



SAIGONBANK

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

2024 Báo cáo thường niên
Annual Report

SAIGONBANK

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM
(THÀNH LẬP TỪ NĂM 1987)**

AI

MỤC LỤC

06 THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

08 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

- 10 NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT NĂM 2024
- 12 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

16 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

- 16 ĐỊNH HƯỚNG TỔNG QUÁT
- 17 CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2025
- 18 GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

20 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

- 22 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 24 BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
- 27 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
- 28 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
- 29 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

32 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

34 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

35 BAN KIỂM SOÁT

36 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

66 MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH

72 MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

40 LETTER FROM THE CHAIRMAN

42 PERFORMANCE OUTCOMES OF 2024

- 44 HIGHLIGHTS OF 2024
- 46 BUSINESS PERFORMANCE IN 2024

50 BUSINESS PLAN IN 2025

- 50 OVERALL ORIENTATION
- 51 TARGETS IN 2025
- 52 SOLUTIONS TO ACHIEVE TARGETS

54 2024 FINANCIAL STATEMENTS

- 56 INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT
- 58 CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
- 61 OFF BALANCE SHEET ITEMS
- 62 CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
- 63 CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

32 BOARD OF DIRECTORS

34 BOARD OF MANAGEMENT

35 BOARD OF SUPERVISORS

36 ORGANIZATION CHART

66 SAIGONBANK'S NETWORK

72 CORRESPONDENT BANKING RELATIONSHIP

CONTENT



THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

AI



Thưa Quý Khách hàng, Quý Cổ đông,

Năm 2024 đã khép lại với những tín hiệu tích cực khi nền kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, thách thức vẫn hiện hữu khi nợ xấu duy trì ở mức cao và nhiều rủi ro tiềm ẩn cần được quản lý chặt chẽ.

Trong bối cảnh đó, SAIGONBANK vẫn kiên định với định hướng phát triển an toàn, bền vững. Năm 2024, chúng tôi đã tập trung rà soát, nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro theo quy trình khép kín, hoàn thiện quy trình quy phạm theo tiêu chuẩn Basel II để giúp kiểm soát tốt hơn chất lượng tín dụng. Nhờ sự nỗ lực không ngừng, SAIGONBANK đã đạt được những kết quả tích cực: tổng tài sản tăng 6%, huy động vốn tăng 8%, dư nợ tín dụng tăng 10%, tỷ lệ nợ nhóm 3-5 kiểm soát ở mức 2,20%. Hoạt động kinh doanh tiếp tục có lãi, thanh khoản ổn định, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Song song đó, SAIGONBANK không ngừng đẩy mạnh chuyển đổi số, đầu tư vào công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh. Hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) được hiện đại hóa, hạ tầng công nghệ tiếp tục nâng cấp, giúp tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Năm 2025 được dự báo là một năm mang đến nhiều cơ hội cho nền kinh tế và ngành ngân hàng Việt Nam. Với niềm tin vào tiềm năng phát triển, SAIGONBANK đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ với kế hoạch lợi nhuận năm 2025 gấp 3 lần năm 2024. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi sẽ bám sát chiến lược kinh doanh, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, hướng đến chuẩn mực Basel III, đồng thời tăng tốc triển khai các

dự án công nghệ thông tin, mở rộng hệ sinh thái số để phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng, SAIGONBANK xác định phát triển bền vững là ưu tiên hàng đầu. Chúng tôi cam kết thúc đẩy phát triển kinh tế xanh thông qua việc tích hợp các tiêu chí bền vững vào mọi hoạt động, mở rộng tín dụng xanh, đồng thời cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan, hướng đến một môi trường sống tốt hơn cho thế hệ tương lai.

Thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên SAIGONBANK, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, thành công và thịnh vượng.

Trân trọng.

A stylized blue ink signature of Vu Quang Lam.

VŨ QUANG LÂM
Chủ tịch Hội đồng quản trị



“ Trong năm 2025, SAIGONBANK tiếp tục triển khai ứng dụng các thành tựu công nghệ nổi bật nhằm tối ưu hóa hoạt động vận hành cũng như gia tăng trải nghiệm cho khách hàng về một hệ sinh thái số với dịch vụ tiện ích, hiện đại. ”

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

CƠ CẤU VỐN HUY ĐỘNG (TỶ ĐỒNG)

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

24.413

TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

4.228

CƠ CẤU DƯ NỢ CHO VAY (TỶ ĐỒNG)

NGẮN HẠN

16.378

TRUNG HẠN

1.859

DÀI HẠN

4.258



TỔNG TÀI SẢN

33.260 TỶ ĐỒNG



VỐN CỔ PHẦN

3.388 TỶ ĐỒNG



DƯ NỢ CHO VAY

22.495 TỶ ĐỒNG



VỐN HUY ĐỘNG

28.641 TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

99,34 TỶ ĐỒNG



TỶ LỆ AN TOÀN VỐN HỢP NHẤT

14,84 %



CHIA CỔ TỨC

10 %



TỶ LỆ NỢ NHÓM 3-5

2,20 %

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT NĂM 2024



Tuần thủ nghiêm túc các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thực hiện tốt các quy định về giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

Hoạt động của SAIGONBANK năm 2024 có tăng trưởng, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

Hoạt động tín dụng được kiểm soát chặt về chất lượng, phù hợp với sự tăng trưởng nguồn vốn, tuân thủ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao.

Đã đầu tư mua máy chủ và nâng cấp hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu Oracle từ phiên bản 10g lên 19c, đồng thời với việc chuyển đổi dữ liệu sang hệ thống máy chủ mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tài chính trên nền tảng số, đảm bảo an toàn, bảo mật cao nhất cho khách hàng.

Đã triển khai xác thực sinh trắc học ứng dụng SAIGONBANK Smart Banking ngay từ ngày 01/7/2024 theo đúng lộ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024



HOẠT ĐỘNG GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

Đến 31/12/2024, SAIGONBANK đã góp vốn liên doanh vào các đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Chứng khoán SBB.

HOẠT ĐỘNG THẺ

- » Tổng số thẻ phát hành tích lũy đến 31/12/2024 là 484.867 thẻ. Số dư trên gửi qua thẻ là 462,82 tỷ đồng.
- » Doanh số thanh toán thẻ tín dụng quốc tế năm 2024 tăng 29,64% so với cùng kỳ năm trước.
- » Đảm bảo hệ thống thẻ, thanh toán trực tuyến hoạt động thông suốt, an toàn.
- » Đã triển khai xác thực sinh trắc học trên ứng dụng SAIGONBANK Smart Banking ngay từ ngày 01/7/2024 theo đúng lộ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- » Tiếp tục phát triển các tính năng mới trên ứng dụng SAIGONBANK Pay và SAIGONBANK Smart Banking.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Đến 31/12/2024, mạng lưới hoạt động của SAIGONBANK gồm 89 điểm giao dịch (bao gồm: Hội sở, 33 Chi nhánh, 55 Phòng Giao dịch) trên toàn quốc, ổn định so với đầu năm.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 99,34 tỷ đồng.

CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

SAIGONBANK đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro hoạt động. Đã kiểm tra, giám sát tình hình tuân thủ trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc, tình hình chấp hành các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời kỳ.

CÔNG TÁC BAN HÀNH QUY TRÌNH, QUY CHẾ

Năm 2024, Luật Các tổ chức tín dụng mới được ban hành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành nhiều thông tư hướng dẫn liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng. SAIGONBANK đã thực hiện rà soát, kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định, quy trình nội bộ phù hợp quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các Thông tư của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đảm bảo hoạt động an toàn và tuân thủ quy định. Trong năm, SAIGONBANK đã ban hành gần 100 quy định nội bộ liên quan đến hoạt động ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- » Đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành liên tục, an toàn, tiếp tục nghiên cứu, phát triển phần mềm ứng dụng nhằm đem lại tiện ích, trải nghiệm tốt các ứng dụng công nghệ thông tin cho khách hàng và phục vụ cho nhu cầu quản trị nội bộ.
- » Đầu tư mua máy chủ và hoàn thành nâng cấp hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu Oracle từ phiên bản 10g lên 19c đồng thời với việc chuyển đổi dữ liệu sang hệ thống máy chủ mới.
- » Trang bị phần cứng, phần mềm, nâng cấp hệ thống mạng, bảo mật phục vụ hoạt động của SAIGONBANK.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO

- » Đến 31/12/2024, tổng số cán bộ nhân viên là 1.538 người.
- » SAIGONBANK chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhân viên, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khuôn khổ pháp luật. Trong năm 2024, đã tổ chức 16 khóa đào tạo, tập huấn cho cán bộ nhân viên.

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP ĐỒNG HÀNH, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI DẪN

Trong năm 2024, SAIGONBANK đã ban hành 13 gói tín dụng với lãi suất ưu đãi và chính sách giảm lãi suất cho vay với tổng hạn mức hơn 8.300 tỷ đồng. Thực hiện giảm lãi suất cho vay và miễn, giảm phí dịch vụ, ký kết hợp tác tài trợ vốn xây dựng và cho vay mua nhà ở xã hội... nhằm hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG; CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI - TÀI TRỢ CỘNG ĐỒNG

- » Tăng cường công tác truyền thông để quảng bá thương hiệu SAIGONBANK; truyền thông các chương trình an sinh xã hội tại các địa phương và các chương trình SAIGONBANK tham gia tài trợ.
- » Các giải thưởng SAIGONBANK đạt trong năm 2024:
 - Sao vàng Đất Việt 2024 - Top 100 Thương hiệu tiêu biểu Việt Nam.
 - Top 12 Thương hiệu mạnh Quốc gia.



XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAIGONBANK

Đã hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển của SAIGONBANK đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07/1/2019 và Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24/7/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đảm bảo phù hợp với thực tiễn và xu hướng của thị trường, cũng như các định hướng phát triển dài hạn của SAIGONBANK.

VÌ ĐỒNG BÀO MIỀN BẮC THƯƠNG YÊU



1. Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão số 3 gây ra thông qua Quỹ Chung một tấm lòng - Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh



2. SAIGONBANK trao tặng xe điện chở bệnh nhân cho Bệnh viện Chợ Rẫy



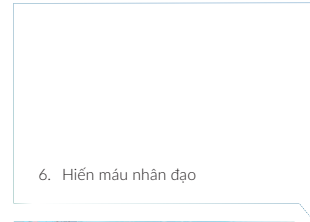
3. Lễ khánh thành nhà ở xóa nhà tạm và hỗ trợ đồng bào khắc phục cơn bão số 3 tại Xã A Lù, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai



4. Tặng quà cho người khuyết thị có hoàn cảnh khó khăn



5. Tài trợ cho Bệnh viện Lê Văn Thịnh



6. Hiến máu nhân đạo



7. Tặng quà Tết cho hộ nghèo huyện Bình Chánh năm 2024 tại Chùa Pháp Bảo



8. Lễ khởi công Dự án Nhà ở xã hội Golden Square Lào Cai

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025



ĐỊNH HƯỚNG TỔNG QUÁT



Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 theo đúng định hướng, mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Củng cố và nâng cao hệ thống quản trị điều hành, quản trị rủi ro, hướng tới chuẩn mực Basel III. Đẩy mạnh chuyển đổi số theo lộ trình phù hợp. Nâng cao giá trị thương hiệu. Đảm bảo hoạt động của SAIGONBANK tuân thủ quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.



CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2025

TỔNG TÀI SẢN

34.900 TỶ ĐỒNG

Tăng **5%** so với thực hiện năm 2024

VỐN HUY ĐỘNG

30.100 TỶ ĐỒNG

Tăng **5%** so với thực hiện năm 2024

TỔNG DỰ NỢ CHO VAY

24.700 TỶ ĐỒNG

Tăng **10%** so với thực hiện năm 2024

NỢ NHÓM 3-5

Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THANH TOÁN ĐỐI NGOẠI

300 TRIỆU USD

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

300 TỶ ĐỒNG



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng trưởng quy mô hoạt động, phát triển an toàn – bền vững

Tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động cấp tín dụng; tổ chức thực hiện tăng trưởng tín dụng trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao; chấp hành nghiêm túc quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn, giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng.

Xây dựng chương trình, sản phẩm tín dụng phù hợp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của nhiều đối tượng, phân khúc khách hàng, phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ trong từng thời kỳ, trong đó tập trung vào các lĩnh vực mới như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, nhóm ngành công nghệ sáng tạo....

Chú trọng chất lượng công tác thẩm định tín dụng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau cho vay, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay nhằm hạn chế tối đa việc phát sinh nợ xấu.

2. Chuyển đổi số hoạt động ngân hàng theo lộ trình phù hợp, làm nền tảng cung ứng đa dạng sản phẩm dịch vụ

Đầu tư nâng cấp hệ thống thông tin, hợp tác với công ty Fintech để phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng, Chiến lược phát triển công nghệ thông tin ngành Ngân hàng và thực trạng SAIGONBANK.

Hợp tác với Trung tâm chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương để triển khai các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối và mở rộng hệ sinh thái số để đẩy mạnh cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực công, hành chính công, nhất là các lĩnh vực y tế, giáo dục....

Tăng cường công tác truyền thông về những sản phẩm, dịch vụ đổi mới, an toàn, tiện ích; chủ động áp dụng các hình thức khuyến nghị, cảnh báo kịp thời, hiệu quả tới khách hàng về các phương thức, thủ đoạn gian lận, lừa đảo của tội phạm công nghệ cao.

3. Kiểm soát chất lượng tín dụng, tăng cường xử lý thu hồi các khoản nợ tồn đọng

Thực hiện tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng; thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật và của SAIGONBANK về phân loại nợ, trích và sử dụng dự phòng rủi ro.

Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã báo cho VAMC và nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ theo quy định.

Tăng cường ứng dụng có hiệu quả Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và hệ thống cảnh báo sớm của SAIGONBANK.

4. Nâng cao hệ thống quản trị điều hành, quản trị rủi ro

Thường xuyên thực hiện rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ trong hoạt động và quản lý điều hành phù hợp với các quy định hiện hành.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro theo quy định, hoàn thiện hệ thống kiểm soát hướng đến chuẩn mực Basel III.

Nâng cao vai trò kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ; giám sát chặt chẽ kết quả thực hiện kiến nghị, kiểm tra, kiểm toán; tăng cường giám sát từ xa tình hình hoạt động tại các đơn vị trực thuộc.



5. Về quản trị nhân sự, tăng năng suất lao động

Rà soát, sắp xếp, tối ưu hóa nhân sự nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.

Tiếp tục thực hiện chính sách thu nhập của cá nhân, đơn vị theo năng suất, hiệu quả kinh doanh nhằm động viên, khuyến khích các đơn vị nỗ lực phấn đấu để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh.

Tăng cường triển khai các khóa đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ, văn hóa ứng xử cho cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.

6. Nâng cao giá trị thương hiệu SAIGONBANK

Truyền thông kịp thời các chủ trương, cơ chế chính sách về điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nói chung và của SAIGONBANK nói riêng đến người dân.

Đẩy mạnh truyền thông các chương trình, sản phẩm, dịch vụ của SAIGONBANK để người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



**MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited**
389A Điện Biên Phủ, P. 4,
Q. 3, TP. Ho Chi Minh, Việt Nam
ĐT (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: A0224024-HN/MOORE AISC-DN4

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG ("Ngân hàng"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 55, bao gồm Bảng báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Văn Tuyên

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0111-2023-005-1

Võ Thị Xuân Quỳnh

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4274-2023-005-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| A TÀI SẢN | | | |
| I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | V.01 | 188.139 | 163.234 |
| II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | V.02 | 715.826 | 3.759.537 |
| III Tiền gửi và cho vay các TCTD khác | V.03 | 5.086.568 | 4.294.866 |
| 1 Tiền gửi tại các TCTD khác | | 4.426.568 | 3.884.866 |
| 2 Cho vay các TCTD khác | | 660.000 | 410.000 |
| 3 Dự phòng rủi ro | | - | - |
| IV Chứng khoán kinh doanh | V.04 | - | - |
| 1 Chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | V.05 | 679 | - |
| VI Cho vay khách hàng | V.06 | 21.623.860 | 19.788.825 |
| 1 Cho vay khách hàng | | 21.834.544 | 19.967.377 |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | V.06.5 | (210.684) | (178.552) |
| VII Hoạt động mua nợ | V.07 | - | - |
| 1 Mua nợ | | - | - |
| 2 Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ | | - | - |
| VIII Chứng khoán đầu tư | V.08 | 3.573.338 | 1.227.562 |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | | - | - |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | | 3.645.740 | 1.283.888 |
| 3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | | (72.402) | (56.326) |
| IX Góp vốn, đầu tư dài hạn | V.09 | 28.944 | 24.196 |
| 1 Đầu tư vào công ty con | | - | - |
| 2 Vốn góp liên doanh | | - | - |
| 3 Đầu tư vào công ty liên kết | | - | - |
| 4 Đầu tư dài hạn khác | | 53.380 | 53.380 |
| 5 Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn | | (24.436) | (29.184) |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| X Tài sản cố định | | 1.083.726 | 1.098.586 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | V.10 | 655.716 | 671.355 |
| a Nguyên giá tài sản cố định hữu hình | | 1.377.177 | 1.334.513 |
| b Hao mòn tài sản cố định hữu hình | | (721.461) | (663.158) |
| 2 Tài sản cố định thuê tài chính | V.11 | - | - |
| a Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính | | - | - |
| b Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính | | - | - |
| 3 Tài sản cố định vô hình | V.12 | 428.010 | 427.231 |
| a Nguyên giá tài sản cố định vô hình | | 536.464 | 529.849 |
| b Hao mòn tài sản cố định vô hình | | (108.454) | (102.618) |
| XI Bất động sản đầu tư | V.13 | - | - |
| a Nguyên giá bất động sản đầu tư | | - | - |
| b Hao mòn bất động sản đầu tư | | - | - |
| XII Tài sản cố khác | | 959.320 | 1.143.819 |
| 1 Các khoản phải thu | V.14.1,2,3 | 155.343 | 216.116 |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu | | 356.582 | 480.009 |
| 3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| 4 Tài sản cố khác | V.14.4 | 462.004 | 462.183 |
| - Trong đó: Lợi thế thương mại | | - | - |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác | V.14.5 | (14.609) | (14.489) |
| TỔNG TÀI SẢN CỐ | | 33.260.400 | 31.500.625 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | V.15 | - | - |
| II Tiền gửi và vay các TCTD khác | V.16 | 4.227.997 | 3.050.936 |
| 1 Tiền gửi của các TCTD khác | | 4.226.988 | 3.049.781 |
| 2 Vay các TCTD khác | | 1.009 | 1.155 |
| III Tiền gửi của khách hàng | V.17 | 24.413.123 | 23.556.779 |
| IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | V.05 | - | - |
| V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | V.18 | - | - |
| VI Phát hành giấy tờ có giá | V.19 | - | - |
| VII Các khoản nợ khác | | 529.448 | 823.798 |
| 1 Các khoản lãi, phí phải trả | | 361.104 | 593.058 |
| 2 Thuế TNDN hoãn lại phải trả | V.21 | - | - |
| 3 Các khoản phải trả và công nợ khác | V.20 | 168.344 | 230.740 |
| 4 Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng) | | - | - |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 29.170.568 | 27.431.513 |
| VIII Vốn và các quỹ | V.22 | 4.089.832 | 4.069.112 |
| 1 Vốn của TCTD | | 3.388.707 | 3.080.716 |
| a Vốn điều lệ | | 3.387.991 | 3.080.000 |
| b Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định | | - | - |
| c Thặng dư vốn cổ phần | | 716 | 716 |
| d Cổ phiếu quỹ | | - | - |
| e Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| g Vốn khác | | - | - |
| 2 Quỹ của TCTD | | 410.664 | 370.645 |
| 3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | - |
| 4 Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - |
| 5 Lợi nhuận chưa phân phối | | 290.461 | 617.751 |
| IX Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | - | - |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 33.260.400 | 31.500.625 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: triệu VND


| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-------------|------------|------------|
| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | | | |
| 1 Bảo lãnh vay vốn | | - | - |
| 2 Cam kết giao dịch ngoại hối | VIII.38 | 126.200 | - |
| Cam kết mua ngoại tệ | | - | - |
| Cam kết bán ngoại tệ | | - | - |
| Cam kết giao dịch hoán đổi | | 126.200 | - |
| Cam kết giao dịch tương lai | | - | - |
| 3 Cam kết cho vay không hủy ngang | | - | - |
| 4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C | VIII.38 | 45.168 | 51.315 |
| 5 Bảo lãnh khác | VIII.38 | 327.664 | 294.463 |
| 6 Các cam kết khác | | - | - |
| 7 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | VIII.40a | 830.269 | 495.013 |
| 8 Nợ khó đòi đã xử lý | VIII.40b | 6.137.191 | 5.910.095 |
| 9 Tài sản và chứng từ khác | VIII.40c | 2.864.612 | 2.744.494 |

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2025


Phạm Thị Mũa
Lập bảng


Phạm Tấn Tài
Kế toán trưởng




Trần Thanh Giang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B03/TCTD-HN

Đơn vị tính: triệu VND

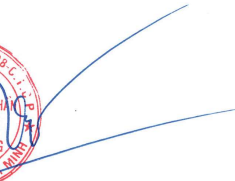
| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|---------------|----------------|----------------|
| 1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | VI.23 | 2.175.145 | 2.529.101 |
| 2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự | VI.24 | 1.470.867 | 1.637.157 |
| I Th nhập lãi thuần | | 704.278 | 891.944 |
| 3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 65.093 | 66.250 |
| 4 Chi phí hoạt động dịch vụ | | 31.566 | 27.246 |
| II Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | VI.25 | 33.527 | 39.004 |
| III Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | VI.26 | 19.160 | 33.611 |
| IV Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | VI.27 | - | - |
| V Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | VI.28 | - | - |
| 5 Thu nhập từ hoạt động khác | | 157.439 | 210.782 |
| 6 Chi phí hoạt động khác | | 13.535 | 10.945 |
| VI Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | VI.30 | 143.904 | 199.837 |
| VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | VI.29 | - | 7.191 |
| VIII Chi phí hoạt động | VI.31 | 630.387 | 570.437 |
| IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 270.482 | 601.150 |
| X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 171.138 | 268.905 |
| XI Tổng lợi nhuận trước thuế | | 99.344 | 332.245 |
| 7 Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 20.176 | 65.456 |
| 8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | VI.32 | 20.176 | 65.456 |
| XIII Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 79.168 | 266.789 |
| XIV Lợi ích của cổ đông thiểu số | | - | - |
| XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu | V.22.2 | 234 | 866 |

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2025


Phạm Thị Mùa
Lập bảng


Phạm Tấn Tài
Kế toán trưởng




Trần Thanh Giang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B04/TCTD-HN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-------------|----------------|----------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | | 2.298.572 | 2.404.049 |
| 2 Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả | | (1.702.821) | (1.375.131) |
| 3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | | 33.527 | 39.004 |
| 4 Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | | 19.160 | 33.611 |
| 5 Thu nhập khác | | 17.358 | 10.250 |
| 6 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn nũ ro | | 126.497 | 189.543 |
| 7 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | | (563.134) | (508.083) |
| 8 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm | | (45.446) | (35.040) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | | 183.713 | 758.203 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| 9 (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác | | (250.000) | 440.000 |
| 10 (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán | | (2.350.524) | 59.084 |
| 11 (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | | (679) | 1.059 |
| 12 (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng | | (1.867.167) | (1.253.151) |
| 13 Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản | | (122.929) | (643.153) |
| 14 (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động | | 44.995 | (128.322) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B04/TCTD-HN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-------------|--------------------|------------------|
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | | | |
| 15 Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN | | - | - |
| 16 Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD | | 1.177.061 | 228.621 |
| 17 Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước) | | 856.344 | 3.057.372 |
| 18 Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính) | | - | - |
| 19 Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | | - | - |
| 20 Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | - | - |
| 21 Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động | | (95.574) | (42.646) |
| 22 Chỉ từ các quỹ của tổ chức tín dụng | | - | - |
| I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (2.424.760) | 2.477.067 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1 Mua sắm TSCĐ | | (52.393) | (14.562) |
| 2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | 49 | 44 |
| 3 Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | - | - |
| 4 Mua sắm bất động sản đầu tư | | - | - |
| 5 Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư | | - | - |
| 6 Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư | | - | - |
| 7 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | | - | - |
| 8 Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | | - | - |
| 9 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | | - | 7.191 |
| II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | (52.344) | (7.327) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ: B04/TCTD-HN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: triệu VND


| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|---------------|--------------------|------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1 Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu | | - | - |
| 2 Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | - | - |
| 3 Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | - | - |
| 4 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | | - | - |
| 5 Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ | | - | - |
| 6 Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ | | - | - |
| III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | - | - |
| IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (2.477.104) | 2.469.740 |
| V Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 7.807.637 | 5.337.897 |
| VI Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá | | - | - |
| VII Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | VII.33 | 5.330.533 | 7.807.637 |

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2025


Phạm Thị Mùa
Lập bảng


Phạm Tấn Tài
Kế toán trưởng




Trần Thanh Giang
Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS



Ông / Mr. **Vũ Quang Lâm**
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairman



Bà / Mrs. **Phan Thị Bích Nguyệt**
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Independent Member



Bà / Mrs. **Nguyễn Thị Hồng Thủy**
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Independent Member



Ông / Mr. **Nguyễn Thanh Long**
Thành viên Hội đồng quản trị
Member



Ông / Mr. **Phạm Hoài Nam**
Thành viên Hội đồng quản trị
Member



Bà / Mrs. **Tôn Thị Nhật Giang**
Thành viên Hội đồng quản trị
Member



Ông / Mr. **Trần Thanh Giang**
Thành viên Hội đồng quản trị
Member

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BOARD OF MANAGEMENT



Ông / Mr. **Trần Thanh Giang**
Tổng Giám đốc
General Director



Bà / Mrs. **Võ Thị Nguyệt Minh**
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Permanent Deputy General Director



Ông / Mr. **Trần Quốc Thanh**
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Ông / Mr. **Phạm Hoàng Hồng Thịnh**
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Ông / Mr. **Nguyễn Đình Nam**
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director

BAN KIỂM SOÁT

BOARD OF SUPERVISORS



Ông / Mr. **Trần Thế Truyền**
Trưởng Ban Kiểm soát
Head of the Board



Ông / Mr. **Nguyễn Ái**
Thành viên Ban Kiểm soát
Member



Bà / Mrs. **Vũ Quỳnh Mai**
Thành viên Ban Kiểm soát
Member

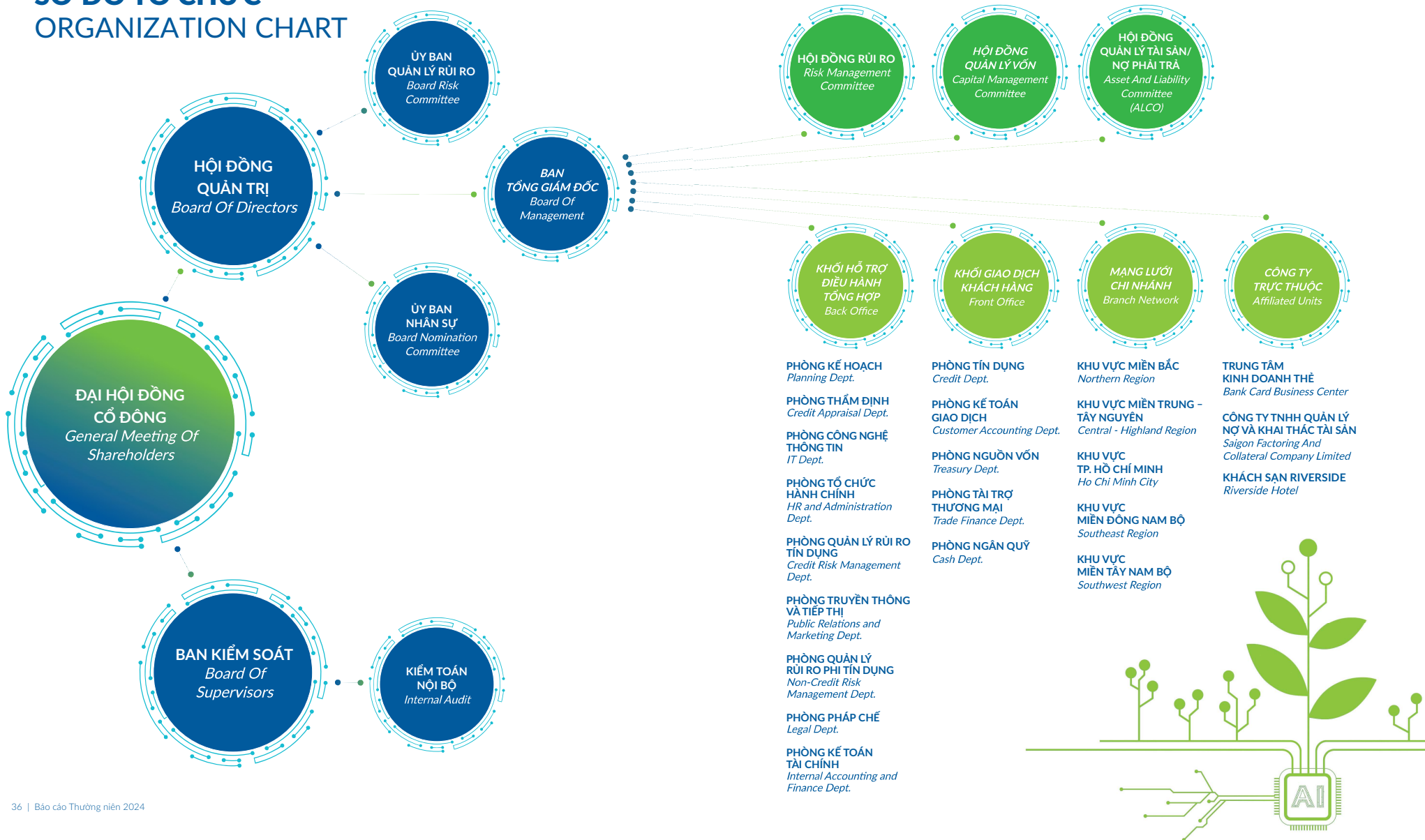


Bà / Mrs. **Nguyễn Đào Phương Linh**
Thành viên Ban Kiểm soát
Member



Ông / Mr. **Nguyễn Ngọc Đăng Khoa**
Thành viên Ban Kiểm soát
Member

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ORGANIZATION CHART



SAIGONBANK

THE FIRST JOINT STOCK
AND COMMERCIAL BANK
OF VIETNAM
ESTABLISHED SINCE 1987



LETTER FROM THE CHAIRMAN

AI



Dear Valued Customers and Shareholders,

The year 2024 closed with positive indicators as macroeconomic fundamentals remained stable and inflation was effectively controlled, thereby fostering a favorable environment for banking activities. Nevertheless, challenges remain, with the non-performing loan ratio staying elevated and various latent risks requiring stringent oversight.

In this context, SAIGONBANK remained steadfast in its orientation towards safe and sustainable development. In 2024, we focused on reviewing and upgrading our risk management system through an end-to-end and completed regulatory procedures in accordance with Basel II standards to enhance credit quality control. Thanks to continuous efforts, SAIGONBANK achieved positive results: total assets increased by 6%, mobilized capital rose by 8%, credit outstanding grew by 10%, and the ratio of loans in groups 3 to 5 was kept under control at 2.20%. Business operations remained profitable, liquidity was stable, and all safety ratios were maintained in compliance with regulations set by the State Bank of Vietnam.

At the same time, digital transformation, cutting-edge technology continued to be our priority for investment with an aim to elevate SAIGONBANK's competitive capability in the market. Typically, our core banking system was modernized and technology infrastructure was renovated. Hence, our operational procedures have been optimized to enhance service quality and bring the best experience to our customers.

It is anticipated that 2025 would present numerous prospects for Vietnam's banking sector as well as the country's economy in general. By embracing a conviction on our growth potential, we are endeavouring to strive for triple the profit of 2024 for an exciting upcoming year. With a view to reaching this target, we will follow the intended business plan, which calls for us to keep strengthening our risk management system,

adopt the Basel III model, expedite the implementation of various technology projects, and expand our banking digital ecosystem of financial products and services to meet the needs of a wide range of customers.

Along with growth targets, SAIGONBANK identifies sustainable development as top priority. We are committed to promoting green economic development through integrating sustainability into the bank's activities, expanding green credit as well as balancing benefits between related parties, aiming for a better living environment for future generations.

For and on behalf of the Board and all the staff of SAIGONBANK, allow me to extend our sincere gratitude to all of our Valued Shareholders, Partners and Customers who have always shown their confidence in us and stood beside us along the way.

Last but not least, I would like to convey our wishes of a healthy life, joyfulness and great wealth to you all.

Sincerely,/.

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Vu Quang Lam'.

VU QUANG LAM
Chairman



“In 2025, SAIGONBANK will continue to adopt advanced technological innovations to optimize operational efficiency and enhance customer experience through digital ecosystem of modern and convenient services.”

PERFORMANCE OUTCOMES OF 2024

MOBILIZED FUNDS (VND BILLION)

DEPOSITS FROM CUSTOMERS

24.413

DEPOSITS AND BORROWINGS FROM OTHER CREDIT INSTITUTIONS

4.228

LENDING OUTSTANDING BALANCE (VND BILLION)

SHORT TERM

16.378

MID TERM

1.859

LONG TERM

4.258



TOTAL ASSETS
(VND BILLION)

33.260



SHARE CAPITAL
(VND BILLION)

3.388



LENDING OUTSTANDING BALANCE
(VND BILLION)

22.495



MOBILIZED FUNDS
(VND BILLION)

28.641



PROFIT BEFORE TAX
(VND BILLION)

99,34



CAPITAL ADEQUACY RATIO
(%)

14,84



DIVIDEND PAYOUT RATIO
(%)

10



DEBT GROUP 3-5 RATIO
(%)

2,20

HIGHLIGHTS OF 2024



- Stringently adhering to the directives of the State Bank of Vietnam (SBV); Well implementing regulations on limits and ratios applicable to an adequate and secured banking operation.
- Throughout the year 2024, SAIGONBANK's operations demonstrated a positive growth, and that our business results met and surpassed the targets assigned by the General Meeting of Shareholders.
- Credit granting activities have been tightly governed to ensure a good credit quality, in accordance with treasury growth and compliance with credit growth targets as assigned by the State Bank of Vietnam.
- Having invested in servers and upgraded Oracle database management system from version 10g to 19c, as well as successful data migration between old and new servers to improve the quality of financial products and services on a digital platform, ensuring the ultimate safety and security for customers.
- Having launched biometrical identification function on SAIGONBANK Smart Banking application as of July 01, 2024 in line with the roadmap defined by the State Bank of Vietnam.

BUSINESS PERFORMANCE IN 2024



JOINT VENTURE

As at December 31, 2024 SAIGONBANK has contributed joint venture capital to Sai Gon Ha Long Hotel Tourism Joint Stock Company, National Payment Corporation of Vietnam and SBB Securities Joint Stock Company.

BANK CARD SERVICE

- » Total cards issued as at December 31, 2024 reached 484,867 cards with a total demand deposit of VND 462,82 billion.
- » International credit card payment turnover in 2024 increased by 29,64% over the year 2023.
- » Ensuring the card system and online payment to operate relentlessly and safely.
- » Having launched biometrical identification function on SAIGONBANK Smart Banking application as of July 01, 2024 in line with the roadmap defined by the State Bank of Vietnam.
- » Keeping on developing new features on SAIGONBANK Pay and SAIGONBANK Smart Banking application.

OPERATION NETWORK

As at December 31, 2024, SAIGONBANK's network comprised of 89 transaction points (Head Office, 33 Branches and 55 Transaction Offices) nationwide, and that was stable compared to the beginning of the year.

BUSINESS RESULTS

Profit before tax in 2024 reached VND 99,34 billion.

INTERNAL INSPECTION, AUDIT AND RISK MANAGEMENT

Internal inspection, audit and risk management programs of SAIGONBANK was well carried out throughout the year. Individual belonging unit's observance of the State Bank of Vietnam's directives from time to time was under due supervision and oversight.

TOTAL ASSETS

Total assets reached VND 33,260,40 billion as at December 31, 2024, increased by 5,59% over the beginning of the year. SAIGONBANK has completed the issuance of shares to pay dividends to shareholders. SAIGONBANK's charter capital after the issuance of shares is VND 3,387,99 billion.

MOBILIZED FUNDS

As at December 31, 2024, total mobilized funds reached VND 28,641,12 billion, increased by 7,64% over the beginning of the year.

CREDIT OUTSTANDING

As at December 31, 2024, credit outstanding balance reached VND 22,494,54 billion, increased by 10,39% over the beginning of the year. Debt group 3 - 5 was 2,20%.

INTERNATIONAL SETTLEMENT

International settlement turnover of 2024 reached USD 284,26 million, increased by 35,51% over the year 2023.

PROCEDURES, REGULATIONS ISSUED AND LEGAL-RELATED AFFAIRS

In 2024, the Law on Credit Institutions was issued, the State Bank of Vietnam also promulgated multiple circulars that related to banking operations. SAIGONBANK has conducted timely review and promptly updated, amended, supplemented and issued new internal regulations and processes in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions and circulars of the State Bank of Vietnam, ensuring safe operation and regulatory compliance. During the year, SAIGONBANK has issued about 100 internal regulations related to banking activities.

INFORMATION TECHNOLOGY ACTIVITIES

- » Ensuring the Information Technology system to be operated seamlessly and safely, continuing to research and to develop software and applications to bring convenience and brilliant user experience to SAIGONBANK's clients and for the purpose of internal governance.
- » Investing on server and completing upgraded Oracle database management system from version 10g to 19c at the same time with successful data migration to new server system.
- » Equipping for hardware, software, upgrading security network systems serving SAIGONBANK's operations.

ORGANIZATION, HUMAN RESOURCES AND TRAINING

- » By December 31, 2024 total number of SAIGONBANK's staff was 1,538.
- » SAIGONBANK has focused on training and developing its staff, on enhancing their professional knowledge and job-related skills, and ensuring the staff's thorough understanding of current policies as well as regulations within the prevailing legal framework. In 2024, the Bank successfully organized 16 training courses for its employees.

DELIVERING VARIOUS RESOLUTIONS SUPPORTING ENTERPRISES AND PEOPLE

In 2024, SAIGONBANK offered 13 credit packages with preferential interest rate, and loan interest rate reduction policies, with a total credit limit of over VND 8,300 billion. We applied both reduction to loan interest rate and reduction or exemption of service fee, and signed cooperation agreements for funding construction projects and offering loans for social housing purchasers... in order to support customers

in restoring business operations, improving livelihoods and contributing to economic development.

COMMUNICATION; SOCIAL WELFARE - COMMUNITY FINANCING

- » Fostering communication activities to further promote SAIGONBANK brand; Arranging intensive public communication for social welfare programs in localities and program sponsored by SAIGONBANK.
- » SAIGONBANK's achievements and awards in 2024 included the below:
 - Vietnam Golden Star Award of the year 2024 - Top 100 Vietnam leading brands.



- Top 12 National excellent brands.



SAIGONBANK'S DEVELOPMENT STRATEGY PLAN

The Development Strategy of SAIGONBANK - visioned to 2030 was already built in line with the Decision No. 34/QĐ-NHNN dated January 7, 2019 and Decision No. 1309/QĐ-NHNN dated July 24, 2020 issued by the State Bank of Vietnam, closely aligned with realities and market trends, as well as SAIGONBANK's long-term development orientation.

FOR THE BELOVED NORTHERN COMPATRIOTS



1. Offering support to those who were severely affected by storm number 3 through the One Heart Fund of Ho Chi Minh City Television (HTV)

2. SAIGONBANK sponsored specialized electric cars for serving patients of Cho Ray Hospital



3. The opening ceremony for a housing replacement that aided compatriots in overcoming storm number 3 in A Lu commune, Bat Xat district, Lao Cai province



4. Giving gifts to blind people living in the plight



5. Financing Le Van Thinh Hospital

6. Blood donation



7. Providing Lunar New Year gifts to families in need at Phap Bao pagoda in Binh Chanh district in 2024



8. Groundbreaking ceremony for the Golden Square Social Housing Project in Lao Cai

BUSINESS PLAN IN 2025



OVERALL ORIENTATION



Implementing the 2025 business plan in accordance with the directions, objectives of the monetary, credit, banking operation policies set forth by the Government and the State Bank of Vietnam; Consolidating and enhancing the governance and risk management system, aiming to achieve better alignment with Basel III standard; Fostering digital transformation according to an appropriate roadmap; Maximizing brand value; SAIGONBANK's secured operation must be reflected through its compliance with the law and the State Bank of Vietnam's regulations in daily activities.



TARGETS IN 2025

TOTAL ASSETS

VND **34.900** BILLION
Increased by **5%** compared to 2024

MOBILIZED FUNDS

VND **30.100** BILLION
Increased by **5%** compared to 2024

TOTAL LENDING OUTSTANDING BALANCE

VND **24.700** BILLION
Increased by **10%** compared to 2024

DEBT GROUP 3-5

in line with the State Bank of Vietnam's regulations

INTERNATIONAL SETTLEMENT

USD **300** MILLION

PRETAX PROFIT

VND **300** BILLION



BUSINESS PLAN IN 2025



SOLUTIONS TO ACHIEVE TARGETS

1. Growth in operation scale, safe and sustainable development

Strictly complying with the provisions of the law, the State Bank of Vietnam's instructions on credit granting activities; Growing credit on the basis of a strict compliance with the 2025 credit growth targets assigned by the State Bank of Vietnam; Strictly observing the regulations on adequacy ratios and credit granting limits for customers.

Developing appropriate credit programs and products that could flexibly meet the needs of various types of customers and segments, in line with the Government's policies and orientations from time to time; Focusing on new sections such as green transformation, digital transformation, circular economy, innovative technology industries, etc.

Focusing on the quality of credit appraisal, strengthening the review and supervision activities prior, during and post credit granting; Strictly overseeing loan utilization to minimize bad debts occurrence.

2. Appropriate plan for digitally transforming banking operations, creating a platform that provides diverse products and services

Investing in upgrading information system, cooperating with Fintech companies to develop modern banking products and services in accordance with the Plan of digital transformation for banking sector, with the Strategy of information technology development for banking sector and practical context at SAIGONBANK.

Collaborating with Ho Chi Minh City Digital Transformation Center and local authorities to implement non-cash payment services; Connecting and expanding digital ecosystem to promote cashless payment services in public sector, public administration, especially in the fields of healthcare and education, etc.

Strengthening communication work on innovative, safe, convenient products and services; Proactively applying timely and effective recommendations, warnings on fraudulent methods of cyber criminals to customers.

3. Controlling credit quality, boosting debt collection

Implementing credit growth along with credit quality; Fully complying with the provisions of the law and SAIGONBANK on debt classification, on making and utilizing risk provisions.

Controlling bad debt ratio on the balance sheet, bad debt sold to VAMC and debts that have undergone debt classification measures according to the regulation.

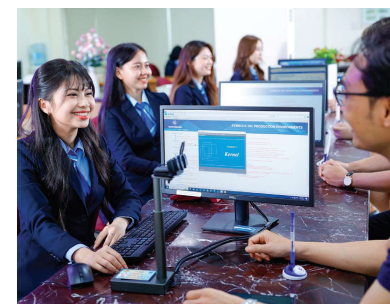
Increasing effective applications of Internal credit rating system and early warning system of SAIGONBANK.

4. Enhancing the governance and risk management system

Regularly reviewing and completing internal policies and procedures in operation and management in accordance with prevailing regulations.

Ongoing enhancement of risk management practices in compliance with regulations, and refinement of the control system in alignment with Basel III standards.

Enhancing the role of internal inspection, control and audit; Closely monitoring the results of implementing inspection and audit's recommendations; Improving remote monitoring toward the operations of affiliated units.



5. Managing human resources, fostering productivity

Reviewing, arranging, optimizing human resources in order to streamline the apparatus, to enhance efficiency and productivity.

Maintaining the income policy for individuals and units based on the productivity and business efficiency as an approach to motivate and encourage business units to strive for achieving business targets.

Increasing the implementation of training courses on skill, expertise, behavioural culture for employees throughout the system.

6. Bolstering SAIGONBANK's brand value

Timely communicating policies, mechanisms on the management of monetary policy as well as the operation of the State Bank of Vietnam and SAIGONBANK to the community.

Strengthening mass communication to promote increased usage and facilitate public access to SAIGONBANK's products and services.



2024 FINANCIAL STATEMENTS

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT



**MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited**
389A Dien Bien Phu Str., Ward 4,
District 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

No: A0224024-HN/MOORE AISC-DN4

TO: SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF MANAGEMENT SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

We have audited the consolidated financial statements of **SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE** (the "Bank") which were prepared on March 25, 2025, as set out on Page 06 to Page 55, consisting of Consolidated Statement of financial position as at December 31, 2024, Consolidated Income Statement, Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Banking Accounting System and prevailing regulations applicable to the preparation and presentation of the consolidated financial statements and also for the internal control that the Board of Management considers necessary for the preparation and fair presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement.

Responsibility of the Auditor

Our responsibility is to express an opinion on the consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Auditing Standards. Those standards require that we comply with ethical requirements, plan and perform the audit to obtain reasonable assurance whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Bank's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Bank's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate for the basis of our audit opinion.

Auditor's opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE as at December 31, 2024 as well as the consolidated results of its operation and its consolidated cash flows for the year then ended. The consolidated financial statements are prepared in compliance with the prevailing Vietnamese Accounting Standards, Banking Accounting System and other statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

HCMC, March 25, 2025



Nguyen Van Tuyen
Deputy General Director
Certificate of Audit Practice Registration
No: 0111-2023-005-1

Vo Thi Xuan Quynh
Auditor
Certificate of Audit Practice Registration
No: 4274-2023-005-1

For and on behalf of
Moore AISC Auditing and Informatics Services Company Limited

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

FORM: B02/TCTD-HN

VND Million

| | ITEMS | Notes | Dec 31, 2024 | Dec 31, 2023 |
|-------------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| A | ASSETS | | | |
| I | Ca , gold, silver, gemstones | V.01 | 188.139 | 163.234 |
| II | Balances with the State Bank of Vietnam | V.02 | 715.826 | 3.759.537 |
| III | Balances with and Loans to other Credit Institutions | V.03 | 5.086.568 | 4.294.866 |
| 1 | Balances with other credit institutions | | 4.426.568 | 3.884.866 |
| 2 | Loans to other credit institutions | | 660.000 | 410.000 |
| 3 | Provision for balances with and loans to other Credit Institutions | | - | - |
| IV | Trading Securities | V.04 | - | - |
| 1 | Trading securities | | - | - |
| 2 | Provisions for trading of securities | | - | - |
| V | Derivatives and other Financial Assets | V.05 | 679 | - |
| VI | Loans to customers | V.06 | 21.623.860 | 19.788.825 |
| 1 | Loans to customers | | 21.834.544 | 19.967.377 |
| 2 | Provision for Loans to customers | V.06.5 | (210.684) | (178.552) |
| VII | Debts purchased | V.07 | - | - |
| 1 | Debts purchased | | - | - |
| 2 | Provision for Debts purchased | | - | - |
| VIII | Investment Securities | V.08 | 3.573.338 | 1.227.562 |
| 1 | Available-for-sale securities | | - | - |
| 2 | Held-to-maturity securities | | 3.645.740 | 1.283.888 |
| 3 | Provisions for investment securities | | (72.402) | (56.326) |
| IX | Capital contributions, long-term Investments | V.09 | 28.944 | 24.196 |
| 1 | Investments in subsidiaries | | - | - |
| 2 | Investments in joint-venture companies | | - | - |
| 3 | Investments in associates | | - | - |
| 4 | Other long-term investments | | 53.380 | 53.380 |
| 5 | Provision for long term investments | | (24.436) | (29.184) |

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

FORM: B02/TCTD-HN

VND Million

| | ITEMS | Notes | Dec 31, 2024 | Dec 31, 2023 |
|------------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| X | Fixed assets | | 1.083.726 | 1.098.586 |
| 1 | Tangible fixed assets | V.10 | 655.716 | 671.355 |
| a | Cost | | 1.377.177 | 1.334.513 |
| b | Accumulated depreciation | | (721.461) | (663.158) |
| 2 | Financial leased fixed assets | V.11 | - | - |
| a | Cost | | - | - |
| b | Accumulated depreciation | | - | - |
| 3 | Intangible fixed assets | V.12 | 428.010 | 427.231 |
| a | Cost | | 536.464 | 529.849 |
| b | Accumulated depreciation | | (108.454) | (102.618) |
| XI | Investment Property | V.13 | - | - |
| a | Cost | | - | - |
| b | Accumulated depreciation | | - | - |
| XII | Other assets | | 959.320 | 1.143.819 |
| 1 | Receivables | V.14.1,2,3 | 155.343 | 216.116 |
| 2 | Accrued Interests and fee receivables | | 356.582 | 480.009 |
| 3 | Deferred income tax assets | | - | - |
| 4 | Other assets | V.14.4 | 462.004 | 462.183 |
| | - In which: good-will | | - | - |
| 5 | Provisions for other on-balance sheet assets | V.14.5 | (14.609) | (14.489) |
| | TOTAL ASSETS | | 33.260.400 | 31.500.625 |

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

FORM: B02/TCTD-HN

VND Million

| ITEMS | Notes | Dec 31, 2024 | Dec 31, 2023 |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| B LIABILITIES AND SHAREHOLDERS' EQUITY | | | |
| I Due to the Government and the State Bank of Vietnam | V.15 | - | - |
| II Deposits and Borrowings from Other Credit Institutions | V.16 | 4.227.997 | 3.050.936 |
| 1 Deposits from other credit institutions | | 4.226.988 | 3.049.781 |
| 2 Borrowings from other credit institutions | | 1.009 | 1.155 |
| III Deposits from customers | V.17 | 24.413.123 | 23.556.779 |
| IV Derivatives and other financial liabilities | V.05 | - | - |
| V Funds for finance, entrusted investments and entrusted loans | V.18 | - | - |
| VI Valuable papers issued | V.19 | - | - |
| VII Other liabilities | | 529.448 | 823.798 |
| 1 Accrued Interest, fee payables | | 361.104 | 593.058 |
| 2 Deferred income tax payables | V.21 | - | - |
| 3 Other payables and other liabilities | V.20 | 168.344 | 230.740 |
| 4 Provision for other risks (for off-balance sheet contingencies and commitments) | | - | - |
| TOTAL LIABILITIES | | 29.170.568 | 27.431.513 |
| VIII Shareholders' equity | V.22 | 4.089.832 | 4.069.112 |
| 1 Capital | | 3.388.707 | 3.080.716 |
| a Charter Capital | | 3.387.991 | 3.080.000 |
| b Basic construction investment fund, fixes asset purchase | | - | - |
| c Share premium | | 716 | 716 |
| d Treasury stocks | | - | - |
| e Preferred stocks | | - | - |
| g Other capital | | - | - |
| 2 Funds of credit institutions | | 410.664 | 370.645 |
| 3 Foreign Exchange difference | | - | - |
| 4 Difference upon revaluation of assets | | - | - |
| 5 Retained profit | | 290.461 | 617.751 |
| IX Non controlling interests | | - | - |
| TOTAL LIABILITIES AND SHAREHOLDERS' EQUITY | | 33.260.400 | 31.500.625 |

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at December 31, 2024

FORM: B02/TCTD-HN

VND Million


| ITEMS | Notes | Dec 31, 2024 | Dec 31, 2023 |
|--|----------|--------------|--------------|
| OFF BALANCE SHEET ITEMS | | | |
| 1 Guarantees for borrowing | | - | - |
| 2 Commitments for currency contracts | VIII.38 | 126.200 | - |
| Commitment to buy foreign currencies | | - | - |
| Commitment to sell foreign currencies | | - | - |
| Commitment to swaps | | 126.200 | - |
| 3 Irrevocable loan commitment | | - | - |
| 4 Commitments in L/C | VIII.38 | 45.168 | 51.315 |
| 5 Other guarantees | VIII.38 | 327.664 | 294.463 |
| 6 Other commitments | | - | - |
| 7 Lending interest and receivable fees but not collected yet | VIII.40a | 830.269 | 495.013 |
| 8 Written-off debts | VIII.40b | 6.137.191 | 5.910.095 |
| 9 Assets and other documents | VIII.40c | 2.864.612 | 2.744.494 |

HCMC, March 25, 2025


Pham Thi Mua
Prepared by


Pham Tan Tai
Chief Accountant




Tran Thanh Giang
General Director

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended December 31, 2024

FORM: B03/TCTD-HN

VND Million

| ITEMS | Notes | Year 2024 | Year 2023 |
|---|---------------|----------------|----------------|
| 1 Interest and similar income | VI.23 | 2.175.145 | 2.529.101 |
| 2 Interest and similar expenses | VI.24 | 1.470.867 | 1.637.157 |
| I Net interest income | | 704.278 | 891.944 |
| 3 Fee and commission income | | 65.093 | 66.250 |
| 4 Fee and commission expenses | | 31.566 | 27.246 |
| II Net fee and commission income | VI.25 | 33.527 | 39.004 |
| III Net gain/loss from trading of foreign currencies | VI.26 | 19.160 | 33.611 |
| IV Net gain/loss from trading of held-for-trading securities | VI.27 | - | - |
| V Net gain/loss from trading of investment securities | VI.28 | - | - |
| 5 Other income | | 157.439 | 210.782 |
| 6 Other expenses | | 13.535 | 10.945 |
| VI Net gain/loss from other activities | VI.30 | 143.904 | 199.837 |
| VII Income from investments in other entities | VI.29 | - | 7.191 |
| VIII Operating Expenses | VI.31 | 630.387 | 570.437 |
| IX Operating profit before provision expense for credit losses | | 270.482 | 601.150 |
| X Provision for credit losses | | 171.138 | 268.905 |
| XI Profits before tax | | 99.344 | 332.245 |
| 7 Current corporate income tax | | 20.176 | 65.456 |
| 8 Deferred corporate income tax | | - | - |
| XII Total Corporate income tax | VI.32 | 20.176 | 65.456 |
| XIII Profit after tax | | 79.168 | 266.789 |
| XIV Non-controlling interests | | - | - |
| XV Earnings per share | V.22.2 | 234 | 866 |

HCMC, March 25, 2025


Pham Thi Mua
Prepared by


Pham Tan Tai
Chief Accountant


Tran Thanh Giang
General Director

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS (Under direct method)

For the fiscal year ended December 31, 2024

FORM: B04/TCTD-HN

VND Million

| ITEMS | Notes | Year 2024 | Year 2023 |
|--|-------|----------------|----------------|
| CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES | | | |
| 1 Interest and similar income received | | 2.298.572 | 2.404.049 |
| 2 Interest and similar expenses paid | | (1.702.821) | (1.375.131) |
| 3 Net fee and commission income received | | 33.527 | 39.004 |
| 4 Net receipts from trading activities (foreign currencies, gold, securities) | | 19.160 | 33.611 |
| 5 Other income | | 17.358 | 10.250 |
| 6 Collection of bad debts previously written off | | 126.497 | 189.543 |
| 7 Salaries and operating expenses paid | | (563.134) | (508.083) |
| 8 Income tax paid | | (45.446) | (35.040) |
| Net cash flows from operating activities before changes in operating assets and working capital | | 183.713 | 758.203 |
| Changes in operating assets | | | |
| 9 (Increase)/Decrease in balances with and loans to other credit institutions | | (250.000) | 440.000 |
| 10 (Increase)/Decrease in trading securities | | (2.350.524) | 59.084 |
| 11 (Increase)/Decrease in derivatives and other financial assets | | (679) | 1.059 |
| 12 (Increase)/Decrease in loans to customers | | (1.867.167) | (1.253.151) |
| 13 Decrease in provision for losses | | (122.929) | (643.153) |
| 14 (Increase)/Decrease in other operating assets | | 44.995 | (128.322) |

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS (Under direct method)

For the fiscal year ended December 31, 2024

FORM: B04/TCTD-HN

VND Million

| ITEMS | Notes | Year 2024 | Year 2023 |
|---|--|--------------------|------------------|
| Changes in operating liabilities | | | |
| 15 | Increase/(Decrease) in amount due to the Government and the SBV | - | - |
| 16 | Increase/(Decrease) in deposits and borrowings from other credit institutions | 1.177.061 | 228.621 |
| 17 | Increase/(Decrease) in deposits from customers (including deposits of the State Treasury) | 856.344 | 3.057.372 |
| 18 | Increase/(Decrease) in valuable papers issued (excluding valuable papers classified into financing activities) | - | - |
| 19 | Increase/(Decrease) in funds for finance, entrusted investments, loans of which the Bank/FI is subject to risk | - | - |
| 20 | Increase/(Decrease) in derivatives and other financial liabilities | - | - |
| 21 | Increases/(Decrease) in operating liabilities | (95.574) | (42.646) |
| 22 | Payments from reserves | - | - |
| I | Net cash flows from operating activities | (2.424.760) | 2.477.067 |
| CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES | | | |
| 1 | Purchase of fixed assets | (52.393) | (14.562) |
| 2 | Proceeds on disposal of fixed assets | 49 | 44 |
| 3 | Payments for disposal of fixed assets | - | - |
| 4 | Purchase of investment properties | - | - |
| 5 | Proceeds from disposal of investment properties | - | - |
| 6 | Payment for disposal of investment properties | - | - |
| 7 | Payment for investments in other entities | - | - |
| 8 | Proceeds from investment in other entities | - | - |
| 9 | Dividend received and profit shared from long-term investments | - | 7.191 |
| II | Cash flows from investing activities | (52.344) | (7.327) |

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS (Under direct method)

For the fiscal year ended December 31, 2024

FORM: B04/TCTD-HN

VND Million

| ITEMS | Notes | Year 2024 | Year 2023 |
|---|--|--------------------|------------------|
| CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES | | | |
| 1 | Increase in share capital due to capital contribution and/or issuance of shares | - | - |
| 2 | Receipts of issuance of long term valuable papers which are eligible for owners' equity and other long term borrowings | - | - |
| 3 | Payment for settlement of long term valuable papers eligible for recognition as owners' equity and other long term loans | - | - |
| 4 | Dividend paid to shareholders, distributed profit | - | - |
| 5 | Payment for buying treasury shares | - | - |
| 6 | Proceeds from selling treasury shares | - | - |
| III | Cash flows from financing activities | - | - |
| IV | Net cash flows for the year | (2.477.104) | 2.469.740 |
| V | Cash and cash equivalents at the beginning of the year | 7.807.637 | 5.337.897 |
| VI | Adjustments to impacts of exchange rate changes | - | - |
| VII | Cash and cash equivalents at the end of the year | 5.330.533 | 7.807.637 |

HCMC, March 25, 2025



Pham Thi Mua
Prepared by



Pham Tan Tai
Chief Accountant



Tran Thanh Giang
General Director

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH

HỘI SỞ: 2C đường Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 • Tel: (+84-28) 3914 3183
 • Email: saigonbank@hcm.vnn.vn
 • SWIFT: SBITVNVX

• Fax: (+84-28) 3914 3193
 • Website: www.saigonbank.com.vn

| KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | HO CHI MINH CITY |
|--|---|
| 1. Chi nhánh BÀ CHIẾU 138 Lê Văn Duyệt, P. 1, Q. Bình Thạnh, TP. HCM | BA CHEIU Branch 138 Le Van Duyet St., Ward 1, Binh Thanh Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3510 0334 – 3841 2294 Fax: (+84-28) 3841 2294 |
| Phòng Giao dịch GỖ VẤP 258 Nguyễn Văn Nghi, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. HCM | GO VAP Transaction Office 258 Nguyen Van Nghi St., Ward 7, Go Vap Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3985 9311 – 3588 1446 Fax: (+84-28) 3588 1446 |
| 2. Chi nhánh QUẬN 7 79 – 81 – 83 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM | DISTRICT 7 Branch 79 – 81 – 83 Hoang Van Thai St., Tan Phu Ward, Dist. 7, HCMC Tel: (+84-28) 5413 8978 – 5411 1662 Fax: (+84-28) 5411 1663 |
| Phòng Giao dịch PHÚ THUẬN 825 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM | PHU THUAN Transaction Office 825 Huynh Tan Phat St., Phu Thuan Ward, Dist. 7, HCMC Tel: (+84-28) 3821 8961 – 3914 1537 Fax: (+84-28) 3914 1538 |
| Phòng Giao dịch QUẬN 8 120-122 Nguyễn Thị Tần, P. Rach Ông, Q. 8, TP. HCM | DISTRICT 8 Transaction Office 120-122 Nguyen Thi Tan St., Rach Ong Ward, Dist. 8, HCMC Tel: (+84-28) 3851 0887 Fax: (+84-28) 3851 0885 |
| 3. Chi nhánh CHỢ LỚN 144 Châu Văn Liêm, P. 11, Q. 5, TP. HCM | CHO LON Branch 144 Chau Van Liem St., Ward 11, Dist. 5, HCMC Tel: (+84-28) 3855 0684 – 3855 8125 Fax: (+84-28) 3855 3660 |
| Phòng Giao dịch QUẬN 6 Tầng trệt Tòa nhà Thăng Lợi Group, 51 Kinh Dương Vương, P. 12, Q. 6, TP. HCM | DISTRICT 6 Transaction Office Ground Floor Thang Loi Group Tower, 51 Kinh Duong Vuong St., Ward 12, Dist. 6, HCMC Tel: (+84-28) 3981 9501 – 3981 9502 Fax: (+84-28) 3877 9669 |
| Phòng Giao dịch AN ĐÔNG Trệt sảnh TTTM DV An Đông, 34 – 36 An Dương Vương, P. 9, Q. 5, TP. HCM | AN DONG Transaction Office Ground Floor An Dong Plaza, 34 – 36 An Duong Vuong St., Ward 9, Dist. 5, HCMC Tel: (+84-28) 3855 1188 Fax: (+84-28) 3833 5406 |
| 4. Chi nhánh BÌNH CHÁNH 77 An Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP. HCM | BINH CHANH Branch 77 An Duong Vuong St., An Lac A Ward, Binh Tan Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3751 5663 – 3751 5664 – 3751 5859 Fax: (+84-28) 3877 9268 |
| Phòng Giao dịch KỸ HÒA 658 Sư Vạn Hạnh, P. 12, Q. 10, TP. HCM | KY HOA Transaction Office 658 Su Van Hanh St., Ward 12, Dist. 10, HCMC Tel: (+84-28) 3863 4928 – 3863 4930 Fax: (+84-28) 3863 4929 |
| Phòng Giao dịch BÌNH TÂN 608 Lê Văn Quoi, P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, TP. HCM | BINH TAN Transaction Office 608 Le Van Quoi St., Binh Hung Hoa A Ward, Binh Tan Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3820 0652 – 3820 0419 Fax: (+84-28) 3820 0851 |
| 5. Chi nhánh THÁI BÌNH 333 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP. HCM | THAI BINH Branch 333 Pham Ngu Lao St., Pham Ngu Lao Ward, Dist. 1, HCMC Tel: (+84-28) 3836 8188 – 3838 5058 – 3836 8270 Fax: (+84-28) 3836 8654 |
| Phòng Giao dịch PHÚ THO 27 Nguyễn Thị Nhỏ, P. 9, Q. Tân Bình, TP. HCM | PHU THO Transaction Office 27 Nguyen Thi Nho St., Ward 9, Tan Binh Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3866 6094 Fax: (+84-28) 3866 6126 |
| Phòng Giao dịch ĐÔNG SÀI GÒN 202/1 – 202/3 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức, TP. HCM | DONG SAIGON Transaction Office 202/1 – 202/3 Nguyen Duy Trinh St, Binh Trung Tay Ward, Thu Duc City, HCMC Tel: (+84-28) 3743 7991 Fax: (+84-28) 3743 7990 |
| 6. Chi nhánh TÂN BÌNH 8 – 10 Lý Thường Kiệt, P. 11, Q. Tân Bình, TP. HCM | TAN BINH Branch 8 – 10 Ly Thuong Kiet St., Ward 11, Tan Binh Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3864 2002 – 3865 1505 – 3971 6929 Fax: (+84-28) 3864 6123 |
| Phòng Giao dịch PHÚ THỌ HOÀ 358 Nguyễn Sơn, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM | PHU THO HOA Transaction Office 358 Nguyen Son St., Phu Tho Hoa Ward, Tan Phu Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3978 9739 Fax: (+84-28) 3978 7597 |
| Phòng Giao dịch HÒA BÌNH 60 Lê Minh Xuân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM | HOA BINH Transaction Office 60 Le Minh Xuan St., Ward 8, Tan Binh Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3978 3758 – 3978 3759 Fax: (+84-28) 3978 3757 |

BRANCH NETWORK

H/O: 2C Phó Đức Chính St., Nguyễn Thái Bình Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City
 • Tel: (+84-28) 3914 3183
 • Email: saigonbank@hcm.vnn.vn
 • SWIFT: SBITVNVX

• Fax: (+84-28) 3914 3193
 • Website: www.saigonbank.com.vn

| 7. Chi nhánh TÂN ĐỊNH 117 Trần Quang Khai, P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM | TAN DINH Branch 117 Tran Quang Khai St., Tan Dinh Ward, Dist. 1, HCMC Tel: (+84-28) 3848 3799 – 3848 4891 Fax: (+84-28) 3848 4890 |
|--|--|
| Phòng Giao dịch QUẬN 3 283 Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3, TP. HCM | DISTRICT 3 Transaction Office 283 Vo Van Tan St., Ward 5, Dist. 3, HCMC Tel: (+84-28) 2200 1200 – 2200 1206 Fax: (+84-28) 2200 1202 |
| 8. Chi nhánh BÌNH HÒA 139 – 141 – 143 No Trang Long, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM | BINH HOA Branch 139 – 141 – 143 No Trang Long St., Ward 12, Binh Thanh Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3516 5823 – 3516 5832 Fax: (+84-28) 3516 5836 |
| Phòng Giao dịch QUẬN 12 218 Trường Chinh, P. Tân Hưng Thuận, Q. 12, TP. HCM | DISTRICT 12 Transaction Office 218 Truong Chinh St., Tan Hung Thuan Ward, Dist. 12, HCMC Tel: (+84-28) 3719 0041 Fax: (+84-28) 3719 0042 |
| 9. Chi nhánh BA THẮNG HẢI 1291 – 1291C Đường 3/2, P. 16, Q. 11, TP. HCM | BA THANG HAI Branch 1291 – 1291C 3/2 St., Ward 16, Dist. 11, HCMC Tel: (+84-28) 3960 1125 – 3960 1126 Fax: (+84-28) 3960 1112 |
| 10. Chi nhánh KHÁNH HỘI 208 – 210 Khánh Hội, P. 9, Q. 4, TP. HCM | KHANH HOI Branch 208 – 210 Khanh Hoi St., Ward 9, Dist. 4, HCMC Tel: (+84-28) 3943 4903 – 3943 5954 Fax: (+84-28) 3943 4906 |
| Phòng Giao dịch THỦ ĐỨC 240 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM | THU DUC Transaction Office 240 Vo Van Ngan St., Binh Tho Ward, Thu Duc City, HCMC Tel: (+84-28) 3722 5852 – 3722 5862 Fax: (+84-28) 3722 5842 |
| 11. Chi nhánh TÂN PHÚ 30AB Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM | TAN PHU Branch 30AB Le Trong Tan St., Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., HCMC Tel: (+84-28) 3812 5606 – 3812 5609 Fax: (+84-28) 3812 5610 |
| KHU VỰC MIỀN BẮC | |
| 12. Chi nhánh HÀ NỘI 11A Phố Đoàn Trần Nghiệp, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | HA NOI Branch 11A Doan Tran Nghiep St., Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi Tel: (+84-24) 3537 9950 – 3537 9947 Fax: (+84-24) 3537 9955 |
| Phòng Giao dịch THANH NHÀN Tầng 1 căn nhà số 827 và toàn bộ căn nhà số 829 Đường Giải Phóng, P. Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội | THANH NHAN Transaction Office Floor 1 No. 827 and No. 829 Giai Phong St., Giap Bat Ward, Hoang Mai Dist., Ha Noi Tel: (+84-24) 3972 5204 Fax: (+84-24) 3972 5204 |
| Phòng Giao dịch TRUNG HÒA Tầng 1, tòa nhà số 192 (bộ cũ 1A-A1) Phố Thái Thịnh, Phường Lang 14, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội | TRUNG HOA Transaction Office Floor 1, No. 192 Building (formerly 1A-A1), Thai Thinh St., Lang 14 Ward, Dong Da Dist., Ha Noi Tel: (+84-24) 3783 3698 Fax: (+84-24) 3783 3697 |
| 13. Chi nhánh BA ĐÌNH 121 Chùa Láng, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | BA DINH Branch 121 Chua Lang St., Lang Thuong Ward, Dong Da Dist., Ha Noi Tel: (+84-24) 3775 7888 – 3775 7666 Fax: (+84-24) 3259 5897 |
| Phòng Giao Dịch VĨNH PHÚC Tầng 1 và tầng 2 căn nhà D4-NV3 ô số 36, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | VINH PHUC Transaction Office Floor 1&2, D4-NV3, Unit 36, new urban area on both sides of Le Trong Tan St., Duong Noi Ward, Ha Dong Dist., Ha Noi Tel: (+84-24) 6684 6689 – 6684 5166 Fax: (+84-24) 6269 7997 |
| Phòng Giao dịch KIM MÃ Tầng 1 nhà số 85 An Trạch, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | KIM MA Transaction Office Floor No.1 85 An Trach St., Van Mieu Quoc Tu Giam Ward, Dong Da Dist., Ha Noi Tel: (+84-24) 3734 1651 Fax: (+84-24) 3734 6171 |

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH

>> tiếp theo

BRANCH NETWORK

>> continue

HỘI SỞ: 2C đường Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 • Tel: (+84-28) 3914 3183 • Fax: (+84-28) 3914 3193
 • Email: saigonbank@hcm.vnn.vn • Website: www.saigonbank.com.vn
 • SWIFT: SBITVNVX

H/O: 2C Phó Đức Chính St., Nguyễn Thái Bình Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City
 • Tel: (+84-28) 3914 3183 • Fax: (+84-28) 3914 3193
 • Email: saigonbank@hcm.vnn.vn • Website: www.saigonbank.com.vn
 • SWIFT: SBITVNVX

| | | |
|--|---|---|
| 14. Chi nhánh CẦU GIẤY 99 Phố Nguyễn Phong Sắc, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội | CAU GIAY Branch 99 Nguyen Phong Sac St., Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi | ĐT: (+84-24) 3745 0999 – 3745 0888 Fax: (+84-24) 3745 0555 – 3745 0128 |
| Phòng Giao dịch XUÂN THỦY Tầng trệt – Tầng lửng, 467 Thụy Khuê, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội | XUAN THUY Transaction Office Ground Floor- Mezzanine Floor, 467 Thuy Khue St., Bui Ward, Tay Ho Dist., Ha Noi | ĐT: (+84-24) 3787 2051 – 3787 2626 Fax: (+84-24) 3787 2050 |
| Phòng Giao dịch MẠI DỊCH 73 Phố Đoàn Kế Thiện, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội | MAI DỊCH Transaction Office 73 Doan Ke Thien St., Mai Dich Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3745 0127 – 3792 1216 Fax: (+84-24) 3792 1215 |
| 15. Chi nhánh HOÀN KIẾM 44 Phố Trần Nhật Duật, P. Đồng Xuân, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | HOAN KIEM Branch 44 Tran Nhat Duat St., Dong Xuan Ward, Hoan Kiem Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 2218 4662 Fax: (+84-24) 3928 3413 |
| Phòng Giao dịch HÀNG MÃ Tầng 1 và tầng 2 căn nhà số 68A Phố Trần Phú, P. Điện Biên, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội | HANG MA Transaction Office Floor 1&2, 68A Tran Phu St., Dien Bien Ward, Ba Dinh Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3938 0235 Fax: (+84-24) 3938 0235 |
| Phòng Giao dịch NAM ĐỒNG 338 Phố Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | NAM DONG Transaction Office 338 Bach Mai St., Bach Mai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3573 7708 Fax: (+84-24) 3573 7707 |
| 16. Chi nhánh LONG BIÊN 16 Phố Nguyễn Hữu Sơn, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội | LONG BIEN Branch 16 Nguyen Huu Son Tum St., Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3557 9746 Fax: (+84-24) 3557 9743 |
| Phòng Giao dịch LÒ ĐỨC Tầng 1 và tầng 2 căn nhà số 148 Nguyễn An Ninh, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | LO DUC Transaction Office Floor 1&2, 148 Nguyen An Ninh St., Dong Tam Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3976 5624 – 3976 5622 Fax: (+84-24) 3976 5622 |
| Phòng Giao dịch ĐỨC GIANG 235-235A Phố Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội | DUC GIANG Transaction Office 235-235A Nguyen Ngoc Nai St., Khuong Mai Ward, Thanh Xuan Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3222 2971 Fax: (+84-24) 3652 0481 |
| 17. Chi nhánh ĐỒNG ĐÀ 19 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | DONG DA Branch 19 Hoang Cau St., O Cho Dua Ward, Dong Da Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3537 5964 Fax: (+84-24) 3537 5962 |
| Phòng Giao dịch ĐÀO TÂN 35 Phố Tô Vĩnh Diện, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội | DAO TAN Transaction Office 35 To Vinh Dien St., Khuong Trung Ward, Thanh Xuan Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 2260 8895 – 3232 3653 Fax: (+84-24) 3569 0421 |
| Phòng Giao dịch QUAN HOA 148 Phố Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | QUAN HOA Transaction Office 148 Nguyen Chi Thanh St., Lang Thuong Ward, Dong Da Dist., Ha Noi | Tel: (+84-24) 3232 1083 Fax: (+84-24) 3232 1107 |
| 18. Chi nhánh HẢI PHÒNG Số 02 Lô 38, Khu đô thị mới Ngã năm sân bay Cát Bi, P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng | HAI PHONG Branch No. 2 Block 38, New Urban Area, S Alley Cat Bi Airport, Dong Khe Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City | Tel: (+84-225) 379 7585 – 379 7589 Fax: (+84-225) 379 7586 |
| Phòng Giao dịch TÔ HIỆU 45 + 47 + 1/47 Hàng Kênh, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng | TO HIEU Transaction Office 45 + 47 + 1/47 Hang Kenh St., Trai Cau Ward, Le Chan Dist., Hai Phong City | Tel: (+84-225) 379 7559 – 625 5778 Fax: (+84-225) 379 7569 |
| Phòng Giao dịch CÁT BÀ 251 Đường 1 Tháng 4, Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng | CAT BA Transaction Office 251 1 Thang 4 St., Cat Ba Town, Cat Hai Dist., Hai Phong City | Tel: (+84-225) 369 6055 – 369 6056 Fax: (+84-225) 369 6057 |
| 19. Chi nhánh QUẢNG NINH 164 Lê Thánh Tông, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | QUANG NINH Branch 164 Le Thanh Tong St., Bach Dang Ward, Ha Long City, Quang Ninh Province | Tel: (+84-203) 365 6368 – 365 6366 Fax: (+84-203) 365 6367 |

| | | |
|--|---|---|
| Phòng Giao dịch CẨM PHẢ 84 Bà Triệu, P. Cẩm Đồng, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | CAM PHA Transaction Office 84 Ba Trieu St., Cam Dong Ward, Cam Pha City, Quang Ninh Province | Tel: (84-203) 372 1900 – 372 1988 Fax: (+84-203) 372 1902 |
| Phòng Giao dịch MẠO KHÊ 289 Khu Vĩnh Tuy 1, P. Mao Khê, TP. Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh | MAO KHE Transaction Office 289 Vinh Tuy I Zone, Mao Khe Ward, Dong Trieu City, Quang Ninh Province | Tel: (+84-203) 358 4195 – 358 4196 Fax: (+84-203) 358 4197 |
| Phòng Giao dịch BÀI CHÁY 491 Hà Long, P. Bài Cháy, TP. Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh | BAI CHAY Transaction Office 491 Ha Long St., Bai Chay Ward, Ha Long City, Quang Ninh Province | Tel: (+84-203) 351 5712 – 351 5716 Fax: (+84-203) 351 1746 |
| Phòng Giao dịch ĐÔNG TRIỀU Tầng 1 số 194 Đường Nguyễn Bình, Khu 2, P. Đức Chính, TP. Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh | DONG TRIEU Transaction Office Floor No.01 194 Nguyen Binh St., Zone 2, Duc Chinh Ward, Dong Trieu City, Quang Ninh Province | Tel: (+84-203) 358 2398 Fax: (+84-203) 358 2174 |
| 20. Chi nhánh LÀO CAI 121 Thành Niên, P. Cốc Lều, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | LAO CAI Branch 121 Thanh Nien St., Coc Leu Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province | Tel: (+84-214) 382 3386 – 366 7788 Fax: (+84-214) 382 6944 |
| Phòng Giao dịch CAM ĐƯỜNG 606A Hoàng Quốc Việt, P. Pom Hân, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | CAM DUONG Transaction Office 606A Hoang Quoc Viet St., Pom Han Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province | Tel: (+84-214) 629 7927 – 375 6885 Fax: (+84-214) 375 6898 |
| Phòng Giao dịch SAPA 18 Ngụ Chi Sơn, Thị Trấn Sa Pa, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai | SAPA Transaction Office 18 Ngụ Chi Son St., Sa Pa Ward, Sa Pa Town, Lao Cai Province | Tel: (+84-214) 377 1288 Fax: (+84-214) 377 1266 |
| Phòng Giao dịch KIM TÂN 457 Hoàng Liên, P. Kim Tân, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | KIM TAN Transaction Office 457 Hoang Lien St., Kim Tan Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province | Tel: (+84-214) 382 3866 Fax: (+84-214) 384 2668 |
| KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN CENTRAL - HIGHLAND REGION | | |
| 21. Chi nhánh HUẾ 50 Hùng Vương, P. Phú Nhuận, Q. Thuận Hóa, TP. Huế | HUE Branch 50 Hung Vuong St., Phu Nhuan Ward, Thuan Hoa Dist. Hue City | Tel: (+84-234) 383 4858 – 383 4649 Fax: (+84-234) 383 4888 |
| Phòng Giao dịch ĐÔNG BÀ 135 Trần Hưng Đạo, P. Đông Ba, Q. Phú Xuân, TP. Huế | DONG BA Transaction Office 135 Tran Hung Dao St., Dong Ba Ward, Phu Xuan Dist. Hue City | Tel: (+84-234) 357 1535 – 357 1955 Fax: (+84-234) 383 0777 |
| Phòng Giao dịch BẾN NGŨ 12 Phan Bội Châu, P. Vinh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế | BEN NGU Transaction Office 12 Phan Boi Chau St., Vinh Ninh Ward, Thuan Hoa Dist. Hue City | Tel: (+84-234) 383 9005 – 383 9006 Fax: (+84-234) 383 9007 |
| 22. Chi nhánh ĐÀ NẴNG 186 Bạch Đằng, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | DA NANG Branch 186 Bach Dang St., Phuoc Ninh Ward, Hai Chau Dist., Da Nang City | Tel: (+84-236) 365 2491 – 365 2494 Fax: (+84-236) 365 2494 |
| Phòng Giao dịch CHỢ MỚI 275 Trưng Nữ Vương, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | CHO NOI Transaction Office 275 Trung Nu Vuong St., Hoa Thuan Dong Ward, Hai Chau Dist., Da Nang City | Tel: (+84-236) 363 1623 Fax: (+84-236) 363 1624 |
| Phòng Giao dịch THANH KHÊ 406 Nguyễn Hữu Thọ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng | THANH KHE Transaction Office 406 Nguyen Huu Tho St., Khuê Trung Ward, Cam Le Dist., Da Nang City | Tel: (+84-236) 365 6676 Fax: (+84-236) 365 6696 |
| 23. Chi nhánh BÌNH THUẬN 67-67A Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận | BINH THUAN Branch 67-67A Tran Hung Dao St., Phu Thuy Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province | Tel: (+84-252) 383 5835 – 383 5999 Fax: (+84-252) 383 5535 |
| Phòng Giao dịch HÀM TIẾN 245 Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố 2, P. Hàm Tiến, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận | HAM TIEN Transaction Office 245 Nguyen Dinh Chieu St., Quarter 2, Ham Tien Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province | Tel: (+84-252) 374 3444 Fax: (+84-252) 374 3446 |

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH

» tiếp theo

HỘI SỞ: 2C đường Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 • Tel: (+84-28) 3914 3183
 • Email: saigonbank@hcm.vnn.vn
 • SWIFT: SBITVNVX
 • Fax: (+84-28) 3914 3193
 • Website: www.saigonbank.com.vn

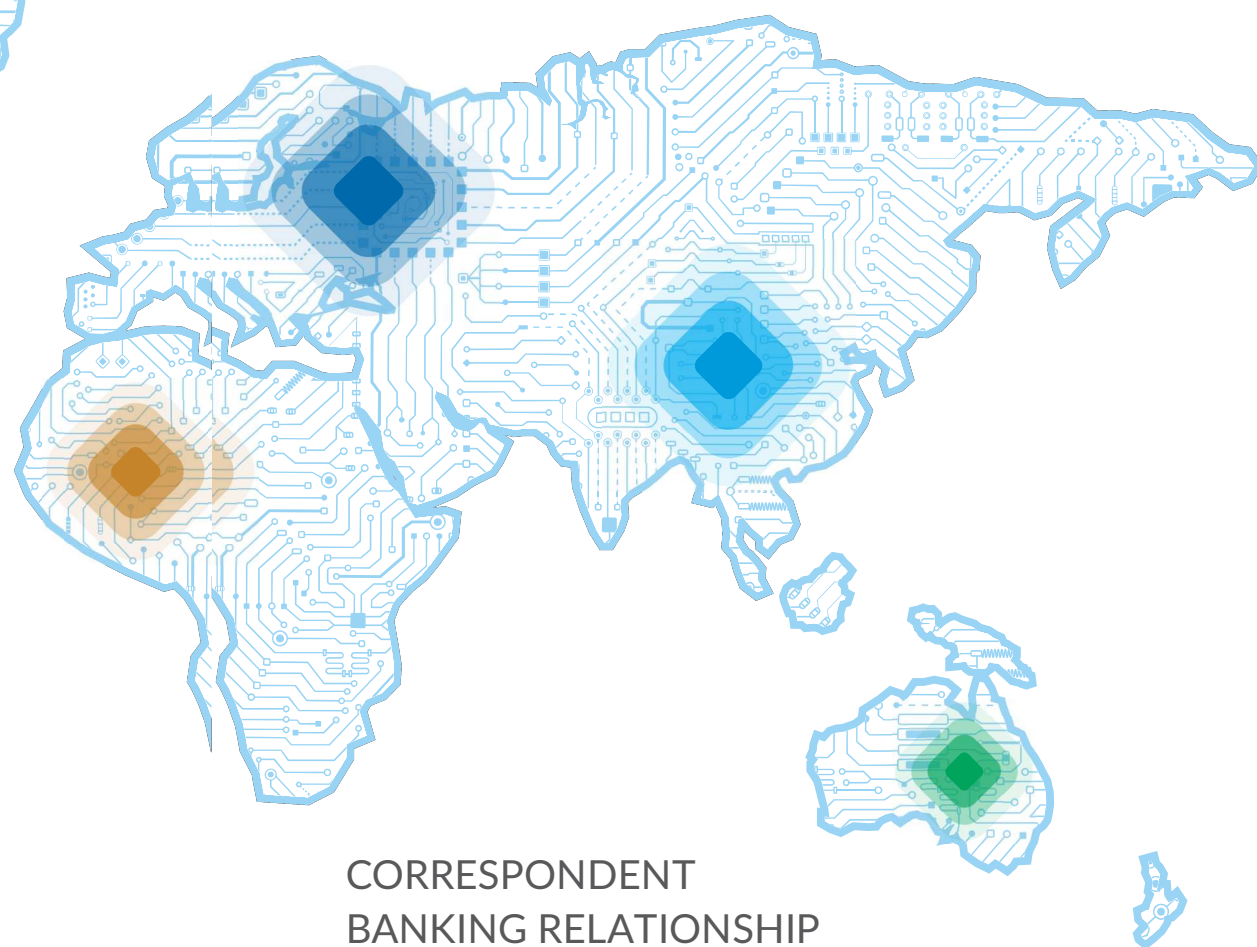
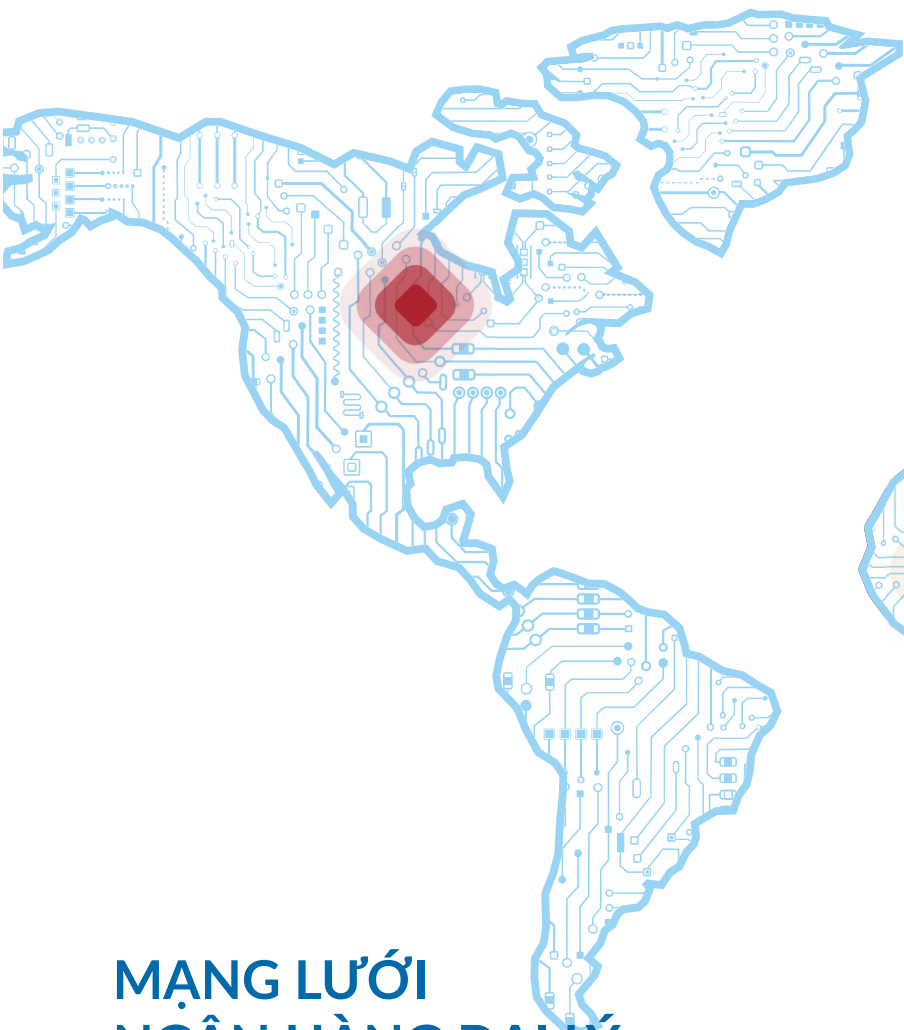
| | | |
|--|--|--|
| Phòng Giao dịch HÂM TÂN 35-37 Cách Mạng Tháng Tám, Thị trấn Tân Nghĩa, Huyện Hâm Tân, Tỉnh Bình Thuận | HAM TAN Transaction Office 35-37 Cách Mạng Tháng Tám St., Tân Nghĩa Town, Hâm Tân Dist., Bình Thuận Province | Tel: (+84-252) 376 7979 – 387 8999 |
| Phòng Giao dịch BẮC BÌNH 197 Nguyễn Tất Thành, Khu phố Hiệp Phước, Thị trấn Chợ Lầu, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận | BAC BINH Transaction Office 197 Nguyễn Tất Thành St., Hiệp Phước Quarter, Cho Lau Town, Bac Binh Dist., Bình Thuận Province | Tel: (+84-252) 364 0888 Fax: (+84-252) 364 0868 |
| 24. Chi nhánh ĐẮK LẮK Tầng trệt – Tầng lửng Tòa nhà 50 đường Nguyễn Tất Thành, P. Tự An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk | DAKLAK Branch Ground Floor – Mezzanine Floor, Building 50 Nguyễn Tất Thành St., Tu An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province | Tel: (+84-262) 384 2669 – 384 2670 Fax: (+84-262) 384 2668 |
| Phòng Giao dịch HOÀ THẮNG 27 Nguyễn Thái Bình, Xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk | HOA THANG Transaction Office 27 Nguyễn Thái Bình St., Hoà Thắng Ward, Buon Ma Thuot City, Daklak Province | Tel: (+84-262) 383 2727 Fax: (+84-262) 383 2757 |
| KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ SOUTHEAST REGION | | |
| 25. Chi nhánh BÌNH DƯƠNG 310 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | BINH DUONG Branch 310 Binh Duong Ave, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province | Tel: (+84-274) 383 4663 – 383 4664 383 4667 – 383 4669 Fax: (+84-274) 383 4660 |
| Phòng Giao dịch MỸ PHƯỚC Lô NP32, O P1D, Khu IDC Mỹ Phước 2, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương | MY PHUOC Transaction Office Block NP32 - P1D, My Phuoc 2 Resettlement Zone, Ben Cat Dist., Bình Dương | Tel: (+84-274) 355 3145 355 3146 355 3148 Fax: (+84-274) 355 3144 |
| Phòng Giao dịch LÀI THIÊU 50A DT745, Khu phố Chợ, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương | LAI THIEU Transaction Office 50A DT745 St., Market Zone, Lai Thieu Town, Thuan An City, Binh Duong Province | Tel: (+84-274) 379 7245 379 7246 Fax: (+84-274) 379 7244 |
| 26. Chi nhánh ĐỒNG NAI 144 Đường 30 Tháng 4, P. Trưng Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | DONG NAI Branch 144 30 Tháng 4 St., Trưng Dũng Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province | Tel: (+84-251) 394 8652 – 394 8654 Fax: (+84-251) 394 8651 |
| Phòng Giao dịch TÂN HOÀ 198 Quốc Lộ 1A, Khu phố 8, P. Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | TAN HOA Transaction Office 198 Highway No. 1A, Quarter 8, Tan Hoa Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province | Tel: (+84-251) 888 9388 Fax: (+84-251) 888 9345 |
| Phòng Giao dịch TAM PHƯỚC 564 Tổ 9, Ấp Long Đức 3, Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | TAM PHUOC Transaction Office 564 Unit 9, Long Duc 3 Hamlet, Tam Phuoc Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province | Tel: (+84-251) 352 0456 Fax: (+84-251) 352 0444 |
| KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ SOUTHWEST REGION | | |
| 27. Chi nhánh TIỀN GIANG 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 4, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | TIEN GIANG Branch 45 Nam Ky Khoi Nghia St., Ward 4, My Tho City, Tien Giang Province | Tel: (+84-273) 397 6278 – 397 6281 Fax: (+84-273) 397 6283 |
| 28. Chi nhánh CẦN THƠ 11 Lý Tu Trong, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | CAN THO Branch 11 Ly Tu Trong St., An Phu Ward, Ninh Kieu Dist., Can Tho City | Tel: (+84-292) 382 6987 – 382 6988 Fax: (+84-292) 382 6985 |
| Phòng Giao dịch XUÂN KHÁNH 210 Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | XUAN KHANH Transaction Office 210 30/4 St., Xuan Khanh Ward, Ninh Kieu Dist., Can Tho City | Tel: (+84-292) 378 2674 Fax: (+84-292) 378 2675 |
| Phòng Giao dịch AN HÒA 91 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | AN HOA Transaction Office 91 Cách Mạng Tháng Tám St., An Hoa Ward, Ninh Kieu Dist., Can Tho City | Tel: (+84-292) 376 9730 Fax: (+84-292) 376 9731 |

BRANCH NETWORK

» continue

H/O: 2C Phó Đức Chính St., Nguyễn Thái Bình Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City
 • Tel: (+84-28) 3914 3183
 • Email: saigonbank@hcm.vnn.vn
 • SWIFT: SBITVNVX
 • Fax: (+84-28) 3914 3193
 • Website: www.saigonbank.com.vn

| | | |
|--|--|--|
| 29. Chi nhánh THỐT NỐT 362 Nguyễn Công Trứ, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ | THOT NOT Branch 362 Nguyễn Công Trứ St., Thot Not Ward, Thot Not Dist., Can Tho City | Tel: (+84-292) 361 0336 – 361 0337 Fax: (+84-292) 361 0335 |
| 30. Chi nhánh AN GIANG 1391 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang | AN GIANG Branch 1391 Tran Hung Dao St., My Long Ward, Long Xuyen City, An Giang Province | Tel: (+84-296) 394 5626 – 394 5939 Fax: (+84-296) 394 5636 |
| Phòng Giao dịch SỐ 1 LONG XUYỀN 2796 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Thành, Long Xuyên, Tỉnh An Giang | NO. 1 LONG XUYEN Transaction Office 2796 Tran Hung Dao St., My Thanh Ward, Long Xuyen City, An Giang Province | Tel: (+84-296) 383 2230 Fax: (+84-296) 383 1223 |
| 31. Chi nhánh BẠC LIÊU 126 Bà Triệu, P. 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu | BAC LIEU Branch 126 Ba Trieu St., Ward 3, Bac Lieu City, Bac Lieu Province | Tel: (+84-291) 395 3873 – 395 3713 Fax: (+84-291) 395 3714 |
| Phòng Giao dịch HOÀNG VĂN THỤ 43B Trần Huỳnh, P. 7, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu | HOANG VAN THU Transaction Office 43B Tran Huynh St., Ward 7, Bac Lieu City, Bac Lieu Province | Tel: (+84-291) 395 9529 Fax: (+84-291) 395 9530 |
| Phòng Giao dịch PHƯỚC LONG 197/A1 Ấp Long Thành, Thị trấn Phước Long, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu | PHUOC LONG Transaction Office 197/A1 Long Thanh Hamlet, Phuoc Long Town, Phuoc Long Dist., Bac Lieu Province | Tel: (+84-291) 358 1552 Fax: (+84-291) 358 1551 |
| Phòng Giao dịch HÒA BÌNH 486 Quốc Lộ 1A, Ấp Thị trấn A1, Thị trấn Hòa Bình, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu | HOA BINH Transaction Office 486 Highway No.1A, Hamlet A1, Hoa Binh Town, Hoa Binh Dist., Bac Lieu Province | Tel: (+84-291) 388 3279 Fax: (+84-291) 388 3280 |
| Phòng Giao dịch ĐÔNG HẢI A07, Block A Khu dân cư Gành Hào, Đường Phan Ngọc Hiến, Ấp 3, TT. Gành Hào, H. Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu. | DONG HAI Transaction Office A07, Block A Ganh Hao Resident, Phan Ngoc Hien St., Hamlet 3, Ganh Hao Town, Dong Hai Dist., Bac Lieu Province | Tel: (+84-291) 384 5888 Fax: (+84-291) 384 5888 – 384 4111 |
| Phòng Giao dịch VĨNH LỢI 97 Quốc Lộ 1A, Ấp Cai Dậy, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu | VINH LOI Transaction Office 97 Highway No. 1A, Cai Day Hamlet, Chau Hung Town, Vinh Loi Dist., Bac Lieu Province | Tel: (+84-291) 383 1888 Fax: (+84-291) 383 1889 |
| 32. Chi nhánh SÓC TRĂNG 18 Đường Trưng Nhị, Khóm 4, Phường 1, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng | SOC TRANG Branch 18 Trưng Nhi St., Zone 4, Ward 1, Vinh Chau Town, Soc Trang Province | Tel: (+84-299) 391 0755 – 391 0756 Fax: (+84-299) 391 0758 |
| 33. Chi nhánh CÀ MAU 4 – 6 Lý Bôn, P. 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau | CA MAU Branch 4 – 6 Ly Bon St., Ward 2, Ca Mau City, Ca Mau Province | Tel: (+84-290) 382 4958 Fax: (+84-290) 382 4956 |
| CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC AFFILIATED UNITS | | |
| 34. TRUNG TÂM KINH DOANH THẺ 201/1-202/3 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Tây, Thành Phố Thủ Đức, TP. HCM. | BANK CARD BUSINESS Center 201/1-202/3 Nguyễn Duy Trinh St., Bình Trưng Tây Ward, Thủ Đức City, HCMC | Tel: (+84-28) 3914 2343-096614 2343 Fax: (+84-28) 3914 2347 |
| 35. Công ty TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN 38 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM | SAIGON FACTORING AND COLLATERAL Company Limited 38 Nguyễn Thái Bình St., Nguyễn Thái Bình Ward, Dist. 1, HCMC | Tel: (+84-28) 3821 4576 – 3824 6265 Fax: (+84-28) 3914 1538 |
| Khách sạn RIVERSIDE 18 – 19 – 20 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM | RIVERSIDE Hotel 18 – 19 – 20 Ton Duc Thang St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, HCMC | Tel: (+84-28) 3822 4038 Fax: (+84-28) 3825 1417 |



MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

CORRESPONDENT BANKING RELATIONSHIP

Chúng tôi hiện có mối quan hệ với khoảng 170 ngân hàng tại gần 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu.

We have maintained connections with around 170 banks in nearly 30 countries, islands and territories.



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

2C Pho Duc Chinh Street, District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel (+84-28) 3914 3183

Fax (+84-28) 3914 3193

SWIFT SBITVNVX

Website www.saigonbank.com.vn